

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Báo cáo tài chính riêng quý
cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016



Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 24 tháng 6 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 24 tháng 6 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

Hội đồng Quản trị

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Ông Hồ Hùng Anh

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
(từ ngày 17 tháng 3 năm 2016)

Ông Hồ Hùng Anh

Thành viên
(đến ngày 16 tháng 3 năm 2016)

Bà Nguyễn Hoàng Yến

Thành viên

Ông Nguyễn Thiệu Nam

Thành viên

Ông Lars Kjaer

Thành viên

Ông Dominic Edward Salter Price

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thiệu Nam

Phó Tổng Giám đốc

Ông Michael Hung Nguyen

Phó Tổng Giám đốc

Ông Seokhee Won

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

(từ ngày 15 tháng 8 năm 2016)

Đại diện pháp lý

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2016

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		1.327.363.535.408	1.779.993.010.215
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	566.582.042.475	1.103.658.575.525
Tiền	111		249.982.042.475	17.768.813.552
Các khoản tương đương tiền	112		316.600.000.000	1.085.889.761.973
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		507.241.250.000	287.890.485.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	507.241.250.000	287.890.485.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	182.197.274.583	316.522.596.128
Phải thu khách hàng	131		19.299.420.000	19.420.800.000
Trả trước cho người bán	132		410.790.600	139.930.901.584
Phải thu khác	136		162.487.063.983	157.170.894.544
Tài sản ngắn hạn khác	150		71.342.968.350	71.921.353.562
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.541.302.526	973.996.889
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		55.773.502.503	52.859.409.593
Thuế phải thu Nhà nước	153		12.028.163.321	18.087.947.080
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		21.738.381.563.089	22.431.116.058.082
Các khoản phải thu dài hạn	210	6	7.339.204.851.071	7.908.358.080.359
Phải thu từ cho vay dài hạn	215		4.183.874.085.011	4.773.374.085.011
Phải thu dài hạn khác	216		3.155.330.766.060	3.134.983.995.348
Tài sản cố định	220		7.461.442.398	3.625.647.326
Tài sản cố định hữu hình	221	7	6.798.029.903	2.428.670.372
Nguyên giá	222		27.268.979.378	20.898.895.563
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.470.949.475)	(18.470.225.191)
Tài sản cố định vô hình	227	8	663.412.495	1.196.976.954
Nguyên giá	228		4.532.362.903	4.532.362.903
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.868.950.408)	(3.335.385.949)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		14.289.250.813.431	14.515.337.397.675
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	6.300.018.573.534	6.526.105.157.778
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5(c)	7.989.232.239.897	7.989.232.239.897
Tài sản dài hạn khác	260		102.464.456.189	3.794.932.722
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	102.464.456.189	3.794.932.722
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		23.065.745.098.497	24.211.109.068.297

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

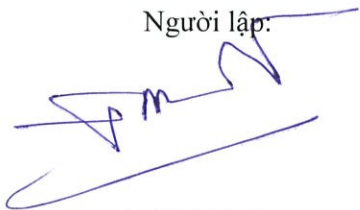
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.729.239.897.743	7.093.306.209.692
Nợ ngắn hạn	310		806.360.328.069	3.104.583.987.472
Phải trả người bán	311		19.800.400	240.310.312
Chi phí phải trả	315	10	215.840.248.555	147.890.913.996
Phải trả ngắn hạn khác	319	11	22.540.279.114	111.611.263.164
Vay ngắn hạn	320	12	567.960.000.000	2.844.841.500.000
Nợ dài hạn	330		5.922.879.569.674	3.988.722.222.220
Vay và trái phiếu dài hạn	338	12	5.922.879.569.674	3.988.722.222.220
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		16.336.505.200.754	17.117.802.858.605
Vốn chủ sở hữu	410	13	16.336.505.200.754	17.117.802.858.605
Vốn cổ phần	411	14	7.560.756.740.000	7.467.178.610.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		7.560.756.740.000	7.467.178.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	14	9.631.047.197.096	9.631.106.345.096
Vốn khác của chủ sở hữu	414	15	(1.695.338.182.568)	(1.488.971.806.985)
Cổ phiếu quỹ	415		(403.080.452.614)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.243.119.898.840	1.508.489.710.494
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước</i>	421a		1.508.489.710.494	2.030.844.864.421
- <i>Lỗ sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(265.369.811.654)	(522.355.153.927)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		23.065.745.098.497	24.211.109.068.297

Ngày 28 tháng 10 năm 2016

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
 Phó Tổng Giám đốc
 Giám đốc Tài chính




Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
 Chủ tịch
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

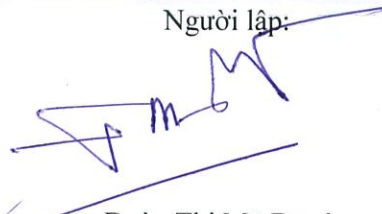
Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2016 đến 30/9/2016 VND	Từ 1/7/2015 đến 30/9/2015 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/9/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/9/2015 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	167.448.204.481	159.713.188.522	507.036.012.785	517.270.670.574
Chi phí hoạt động tài chính	22	17	148.331.217.357	159.546.234.953	475.228.809.723	470.517.863.504
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		145.986.146.799	158.769.264.208	444.300.539.279	469.799.864.040
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		114.286.917.484	144.228.974.513	297.177.136.946	566.949.112.980
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 – 22 – 26)	30		(95.169.930.360)	(144.062.020.944)	(265.369.933.884)	(520.196.305.910)
Thu nhập khác	31		122.230	1.575.524.147	122.230	9.113.127.889
Chi phí khác	32		-	-	-	50.327.521
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		122.230	1.575.524.147	122.230	9.062.800.368
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(95.169.808.130)	(142.486.496.797)	(265.369.811.654)	(511.133.505.542)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(95.169.808.130)	(142.486.496.797)	(265.369.811.654)	(511.133.505.542)

Ngày 28 tháng 10 năm 2016

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2016 đến 30/9/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/9/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ kế toán trước thuế	01		(265.369.811.654)	(511.133.505.542)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		2.534.288.743	4.496.822.752
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện thuần	04		121.985.256	(60.934.796)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(487.167.868.541)	(515.399.760.884)
Chi phí lãi vay	06		444.300.539.279	469.185.223.973
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(305.580.866.917)	(552.912.154.497)
Giảm các khoản phải thu và tài sản khác	9		193.733.051.799	543.491.379.644
(Giảm)/tăng các khoản phải trả và nợ khác	11		(35.338.945.584)	150.076.656.556
Giảm chi phí trả trước	12		32.850.630.759	11.983.258.059
			(114.336.129.943)	152.639.139.762
Tiền lãi vay đã trả	14		(435.585.400.780)	(750.460.345.911)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(549.921.530.723)	(597.821.206.149)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(6.370.083.815)	(128.048.646)
Tiền chi cho các khoản cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(1.075.899.250.000)	(70.151.841.883)
Tiền thu từ các khoản cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		1.670.048.485.000	529.182.706.884
Tiền chi đầu tư	25		-	(3.694.750.277.778)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư	26		206.218.440.000	3.035.142.857.143
Tiền thu từ tiền lãi	27		72.218.362.805	837.666.314.926
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		866.215.953.990	636.961.710.646

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

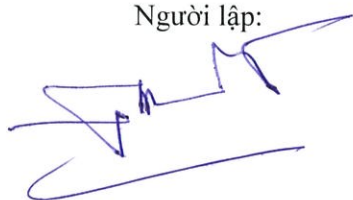
Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2016 đến 30/9/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/9/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		93.518.982.000	109.039.173.000
Tiền chi mua lại công cụ vốn	32		(670.007.833.061)	-
Tiền thu từ nợ vay	33		2.000.000.000.000	819.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.276.881.500.000)	(190.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(853.370.351.061)	738.039.173.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(537.075.927.794)	777.179.677.497
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		1.103.658.575.525	517.250.405.093
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(605.256)	(30.096.565)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	566.582.042.475	1.294.399.986.025

Ngày 28 tháng 10 năm 2016

Người lập:


Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chínhTiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quý đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty có 30 nhân viên (1/1/2016: 32 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính quý này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất quý. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng quý này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất quý của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng quý, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng quý, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng quý được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính quý.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng quý này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(c) Đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản phải thu từ cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng quý, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại, chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nâng cấp tài sản thuê 5 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí nâng cấp tài sản thuê cho văn phòng mới chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình nâng cấp.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm.

(ii) Phí dịch vụ tư vấn

Phí dịch vụ tư vấn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(j) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(k) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch tăng do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác của chủ sở hữu

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, trái phiếu, lỗ do chênh lệch tỷ giá, chi phí vay được phân bổ và lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu. Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản đủ điều kiện sẽ được vốn hóa như một phần của nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm
2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	141.708.466	149.708.466
Tiền gửi ngân hàng	249.840.334.009	17.619.105.086
Các khoản tương đương tiền	316.600.000.000	1.085.889.761.973
	566.582.042.475	1.103.658.575.525

Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

5. Các khoản đầu tư tài chính

	30/9/2016	1/1/2016
	VND	VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (a)	507.241.250.000	287.890.485.000
	6.300.018.573.534	6.526.105.157.778
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào công ty con (b)	7.989.232.239.897	7.989.232.239.897
Đầu tư vào công ty liên kết (c)	14.289.250.813.431	14.515.337.397.675

(a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9
năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

	30/9/2016	1/1/2016
	VND	VND
▪ Công ty TNHH MasanConsumerHoldings Company (“MCH”)	516.600.000.000	516.600.000.000
▪ Công ty Cổ phần Tầm Nhìn Masan (“MH”)	3.816.814.880.000	3.816.814.880.000
▪ Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (trước đây là Công ty TNHH Masan Nutri-Science) (“MNS”)	1.966.603.693.534	2.192.690.277.778
	<hr/>	<hr/>
	6.300.018.573.534	6.526.105.157.778
	<hr/>	<hr/>

(*) Tại ngày lập báo cáo, chưa có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào công ty liên kết như sau:

	30/9/2016		1/1/2016	
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”)	15,00%	15,00%	7.989.232.239.897	7.989.232.239.897
			-	-
			(*) 15,00%	15,00%
			(*) 15,00%	15,00%
			7.989.232.239.897	7.989.232.239.897
			-	-
			(*)	(*)

(*) Tại ngày lập báo cáo, chưa có thông tin về giá trị hợp lý của những khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30
tháng 9 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu – ngắn hạn và dài hạn

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/9/2016	1/1/2016
	VND	VND
Khoản phải thu phi thương mại từ công ty mẹ	142.244.000.000	142.244.000.000
Phải thu từ các dịch vụ	11.547.311.554	11.547.311.554
Lãi trích trước phải thu từ các khoản tiền gửi	8.376.252.429	2.905.373.161
Ký quỹ ngắn hạn	69.500.000	29.500.000
Phải thu khác	250.000.000	444.709.829
	<hr/>	<hr/>
	162.487.063.983	157.170.894.544
	<hr/>	<hr/>

Phải thu từ cho vay dài hạn bao gồm:

	30/9/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải thu từ công ty con	4.183.874.085.011	4.773.374.085.011
	<hr/>	<hr/>

Phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/9/2016	1/1/2016
	VND	VND
Ký quỹ dài hạn	2.313.495.000	2.313.495.000
Lãi trích trước phải thu từ các bên liên quan	3.153.017.271.060	3.132.670.500.348
	<hr/>	<hr/>
	3.155.330.766.060	3.134.983.995.348
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm
2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	15.140.249.974	5.758.645.589	20.898.895.563
Tăng trong kỳ	-	110.809.091	110.809.091
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.259.274.724	-	6.259.274.724
Số dư cuối kỳ	21.399.524.698	5.869.454.680	27.268.979.378
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	13.777.167.973	4.693.057.218	18.470.225.191
Khấu hao trong kỳ	1.675.380.737	325.343.547	2.000.724.284
Số dư cuối kỳ	15.452.548.710	5.018.400.765	20.470.949.475
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	1.363.082.001	1.065.588.371	2.428.670.372
Số dư cuối kỳ	5.946.975.988	851.053.915	6.798.029.903

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	4.532.362.903
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	3.335.385.949
Khấu hao trong kỳ	533.564.459
Số dư cuối kỳ	3.868.950.408
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.196.976.954
Số dư cuối kỳ	663.412.495

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Dịch vụ tư vấn VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	187.532.722	3.607.400.000	3.794.932.722
Tăng trong kỳ	132.800.000	134.087.459.863	134.220.259.863
Phân bổ trong kỳ	(119.071.429)	(35.431.664.967)	(35.550.736.396)
Số dư cuối kỳ	201.261.293	102.263.194.896	102.464.456.189

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm
2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Chi phí phải trả

	30/9/2016	1/1/2016
	VND	VND
Lãi vay phải trả	193.145.054.927	115.383.332.025
Phí tư vấn	21.387.543.133	28.040.462.433
Thuế nhà thầu	1.001.786.518	2.118.812.549
Khác	305.863.977	2.348.306.989
	<hr/>	<hr/>
	215.840.248.555	147.890.913.996
	<hr/>	<hr/>

11. Phải trả khác

	30/9/2016	1/1/2016
	VND	VND
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	-	60.561.004.864
Khác	22.540.279.114	51.050.258.300
	<hr/>	<hr/>
	22.540.279.114	111.611.263.164
	<hr/>	<hr/>

12. Vay và trái phiếu

	30/9/2016	1/1/2016
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Vay dài hạn đến hạn trả	567.960.000.000	2.844.841.500.000
	<hr/>	<hr/>
Vay và trái phiếu dài hạn		
Vay và trái phiếu dài hạn	6.490.839.569.674	6.833.563.722.220
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(567.960.000.000)	(2.844.841.500.000)
	<hr/>	<hr/>
	5.922.879.569.674	3.988.722.222.220
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	7.358.081.400.000	9.631.164.382.096	(1.488.971.806.985)	-	2.030.844.864.421	17.531.118.839.532
Phát hành cổ phiếu mới	109.097.210.000	(58.037.000)	-	-	-	109.039.173.000
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(522.355.153.927)	(522.355.153.927)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.467.178.610.000	9.631.106.345.096	(1.488.971.806.985)	-	1.508.489.710.494	17.117.802.858.605
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	7.467.178.610.000	9.631.106.345.096	(1.488.971.806.985)	-	1.508.489.710.494	17.117.802.858.605
Phát hành cổ phiếu mới	93.578.130.000	(59.148.000)	-	-	-	93.518.982.000
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(265.369.811.654)	(265.369.811.654)
Giao dịch vốn chủ sở hữu	-	-	(206.366.375.583)	-	-	(206.366.375.583)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	(403.080.452.614)	-	(403.080.452.614)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2016	7.560.756.740.000	9.631.047.197.096	(1.695.338.182.568)	(403.080.452.614)	1.243.119.898.840	16.336.505.200.754

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Vốn cổ phần và thặng dư vốn

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/9/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	756.075.674	7.560.756.740.000	746.717.861	7.467.178.610.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	756.075.674	7.560.756.740.000	746.717.861	7.467.178.610.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	5.835.370	403.080.452.614	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	750.240.304	7.157.676.287.386	746.717.861	7.467.178.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	9.631.047.197.096	-	9.631.106.345.096

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần đã phát hành trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2016 đến 30/9/2016		Từ 1/1/2015 đến 31/12/2015	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ/năm	746.717.861	7.467.178.610.000	735.808.140	7.358.081.400.000
Phát hành cổ phiếu mới theo mệnh giá bằng tiền	9.357.813	93.578.130.000	10.909.721	109.097.210.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	(5.835.370)	(58.353.700.000)	-	-
Số dư cuối kỳ	750.240.304	7.502.403.040.000	746.717.861	7.467.178.610.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm
2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Vốn khác của chủ sở hữu

Thỏa thuận phát hành một số cổ định của cổ phiếu trong tương lai được ghi nhận dựa trên các giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận dưới vốn khác nếu không có giải pháp thay thế giải quyết khác.

16. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2016 đến 30/9/2016 VND	Từ /1/2015 đến 30/9/2015 VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi	27.283.908.324	19.671.259.522
Thu nhập lãi từ cho các công ty con vay	472.146.771.126	27.685.942.074
Hoạt động đầu tư khác	7.605.333.335	468.042.559.288
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.870.909.690
	507.036.012.785	517.270.670.574

17. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2016 đến 30/9/2016 VND	Từ /1/2015 đến 30/9/2015 VND
Chi phí lãi vay/trái phiếu từ:		
• Ngân hàng	496.856.690	-
• Trái chủ và các bên khác	392.887.275.617	448.719.590.067
• Công ty con	-	20.679.452.056
• Khác	50.916.406.972	400.821.917
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.607.800.488	717.999.464
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	19.868.144.244	-
Chi phí tài chính khác	9.452.325.712	-
	475.228.809.723	470.517.863.504

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm
2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính riêng quý này, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2016 đến 30/9/2016 VND	Từ /1/2015 đến 30/9/2015 VND
Công ty con sở hữu trực tiếp			
Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan	Khoản cho vay cấp cho công ty con	-	3.195.626.883
	Khoản cho vay cấp cho công ty con bằng cách cần trừ nợ	224.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	453.142.140.989	402.460.373.609
Công ty con sở hữu gián tiếp			
Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San)	Cần trừ nợ	85.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	-	52.914.399.041
	Khoản cho vay thu từ công ty con	-	210.000.000.000
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Cần trừ nợ	324.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	-	11.321.749.346
	Khoản cho vay cấp cho công ty con	-	490.000.000.000
Công ty TNHH Masan Brewery	Khoản cho vay thu từ công ty con	-	79.568.706.884
	Thu nhập lãi cho vay	-	1.346.037.292
Công ty TNHH Shika	Khoản cho vay cấp cho công ty con	528.500.000.000	-
	Khoản cho vay thu từ công ty con	1.342.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	19.004.630.137	-
Công ty TNHH Kenji	Khoản vay nhận từ công ty con	-	629.000.000.000
	Chi phí lãi vay	-	20.679.452.056

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2016 đến 30/9/2016 VND	Từ 1/2015 đến 30/9/2015 VND
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao cho Ban quản lý chủ chốt (*)	7.279.437.447	4.981.000.000

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 và ngày 30 tháng 9 năm 2015.

19. Sự kiện sau niên độ

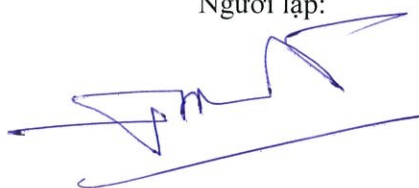
Trong tháng 10 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc mua lại 9,2 triệu cổ phiếu với tổng số tiền là 641 tỷ VND.

20. Giải trình biến động lợi nhuận thuần

Lỗ thuần Quý 3 năm 2016 của Công ty là 95 tỷ VND giảm so với lỗ thuần Quý 3 năm 2015 là 142 tỷ VND, chủ yếu là do giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

Ngày 28 tháng 10 năm 2016

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
 Phó Tổng Giám đốc
 Giám đốc Tài chính

Tiên sĩ Nguyễn Đăng Quang
 Chủ tịch
 Tổng Giám đốc

